

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.
2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 462/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Bị đơn: Dương Thanh T, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2019, biên bản hòa giải ngày 28/8/2019 chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày:

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Thanh T chung sống với nhau vào năm 1998, vợ chồng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, có 02 con chung. Nhưng thời gian sau này, vợ chồng bất hòa do không hòa hợp với nhau về quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi, nên tình cảm vợ chồng càng thêm lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho

đến nay. Nay chị H nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh Dương Thanh T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Chánh T, sinh ngày 07/11/1999 và Dương Thanh Th, sinh ngày 25/01/2002. Hiện nay, các con chung đang sống với cha mẹ.

Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung tên Dương Thanh Th, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Con chung Dương Chánh T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Tại đơn khởi kiện, chị H trình bày vợ chồng có tài sản chung là 01 nền nhà ngang 04m, dài 16m, diện tích 64m², thuộc thửa số 123, tờ bản đồ số 14, loại đất ở nông thôn tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do hộ bà Nguyễn Thị H đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có xây dựng căn nhà cấp 4, nền lát gạch men, cột bê tông cốt thép, mái tole, có đóng laphong, cất năm 2007, giá trị 700.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu bán tài sản chung chia cho 04 người trong gia đình, Chị H yêu cầu nhận 01 phần tài sản chung tương đương số tiền 175.000.000 đồng. Đồng ý giao cho anh T và 02 người con là Dương Chánh T và Dương Thanh Th mỗi người nhận 01 phần tương đương số tiền 175.000.000 đồng.

Tuy nhiên, hiện nay chị H và anh T đã thỏa thuận xong về tài sản chung khi ly hôn như sau: Vợ chồng chị H, anh T đã bán đất và nhà nói trên, chị H đã chia cho anh T 400.000.000 đồng, phần còn lại chị H được nhận. Do đó, nay chị H xin rút phần yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nói trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/8/2019, anh Dương Thanh T là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian sống chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng và việc vợ chồng anh, chị không đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Nay anh T đồng ý ly hôn với H.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên: Dương Chánh T, sinh ngày 07/11/1999 và Dương Thanh Th, sinh ngày 25/01/2002. Hiện nay, các con chung đang sống với cha mẹ.

Khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung tên Dương Thanh Th cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Dương Chánh T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Trước đây, vợ chồng anh, chị có tài sản chung là 01 nền nhà ngang 04m, dài 16m, diện tích 64m², thuộc thửa số 123, tờ bản đồ số 14, loại đất ở nông thôn tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do hộ bà Nguyễn Thị H đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có xây dựng căn nhà cấp 4, nền lót gạch men, cột bê tông cốt thép, mái tole, có đóng laphong, cất năm 2007. Hiện nay chị H và anh T đã thỏa thuận xong về tài sản chung khi ly hôn như sau: chị H, anh T đã bán đất và nhà, anh T nhận 400.000.000 đồng, không có yêu cầu gì khác, phần còn lại chị H được nhận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn, địa chỉ của bị đơn tại huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn và anh Dương Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị H và anh T có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay giữa chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị H yêu cầu ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T.

[4] Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương Chánh T, sinh ngày 07/11/1999 và Dương Thanh Th, sinh ngày 25/01/2002. Hiện nay, con chung tên Dương Thanh Th đang sống với chị H. Khi ly hôn, con chung tên Dương Chánh T đã trưởng thành, chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Đối với con chung tên Dương Thanh Th, khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T đồng ý. Hiện nay, cháu Th đang chung sống với chị H ổn định và có nguyện vọng tiếp tục sống với chị H. Xét thấy sự thỏa thuận của chị H và anh T như trên là không trái luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng

xét xử căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T.

[6] Anh T không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H được tiếp tục nuôi con tên Dương Thanh Th sau khi ly hôn, nên có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị H và anh T trình bày đã thỏa thuận xong, chị H xin rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung khi ly hôn. Xét thấy, việc rút yêu cầu của chị H là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của chị H.

[9] Về nợ chung: Chị H và anh T trình bày không có tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Dương Thanh T là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi con chung tên Dương Thanh Th, sinh ngày 25/01/2002. Anh Dương Thanh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Con chung tên Dương Chánh T, sinh ngày 07/11/1999 đã trưởng thành, chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0003130, ngày 29/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003129, ngày 29/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

6. Chị H, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Phương Thảo